

ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM THEO LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP NĂM 2025 VÀ VẤN ĐỀ TRIỂN KHAI THỰC THI

KHÚC THỊ PHƯƠNG NHUNG*

Tóm tắt: Bài viết phân tích các quy định về đối tượng áp dụng và hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở Việt Nam theo Luật Thuế TNDN năm 2025, từ đó chỉ ra những điểm mới cũng như những khó khăn, vướng mắc doanh nghiệp có thể gặp phải trong thực tiễn thi hành. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật.

Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngày nhận bài: 04/9/2025; Biên tập xong: 12/9/2025; Duyệt đăng: 17/9/2025

ELIGIBLE ENTITIES AND PREFERENTIAL REGIMES FOR VIETNAMESE SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES UNDER THE 2025 CORPORATE INCOME TAX LAW AND ISSUES IN IMPLEMENTATION

Abstract: This article analyzes the provisions on eligible entities and preferential regimes for small and medium enterprises in Vietnam under the 2025 Corporate Income Tax Law. It highlights the new points introduced by the law as well as potential challenges and obstacles that small and medium enterprises may encounter during implementation. Based on this analysis, the article proposes solutions to address these issues and ensure the effective enforcement of the law.

Keywords: Corporate income tax; small and medium enterprise; preferential regime

Received: Sep 04, 2025; **Editing completed:** Sep 12, 2025; **Accepted for publication:** Sep 17, 2025

1. Đối tượng áp dụng và hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

1.1. Đối tượng áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN là các doanh nghiệp được hưởng các chính sách giảm thuế suất hoặc miễn, giảm số thuế phải nộp nhằm khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực và khu vực mà Nhà nước ưu tiên phát triển. So với Luật Thuế TNDN năm 2008, điểm mới của Luật Thuế TNDN năm 2025 là đã bổ sung một quy định riêng, cụ thể về nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN. Theo đó, Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025 quy định rõ các đối tượng được hưởng ưu đãi thuế TNDN, chủ yếu dựa trên ngành, nghề và địa bàn hoạt động. Các đối tượng được hưởng ưu đãi thuế TNDN được chia thành hai nhóm chính:

Nhóm 1: Ưu đãi theo ngành, nghề

(i) Lĩnh vực công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ (điểm a, b, c): Đây là hai lĩnh vực quan trọng, có mối quan hệ chặt chẽ, đóng vai trò

then chốt trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế của quốc gia. Theo đó, các ngành sản xuất phần mềm, chip bán dẫn, sản phẩm an toàn thông tin mạng, công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao, dệt may, cơ khí chế tạo..., đều được hưởng ưu đãi. Điều này cho thấy sự quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy phát triển công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp nội địa.

(ii) Lĩnh vực môi trường và năng lượng sạch (điểm d): Đây là những lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn, công nghệ cao và thời gian thu hồi vốn lâu. Chính sách ưu đãi thuế giúp giảm gánh nặng tài chính ban đầu, khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “kinh tế xanh”. Trong thực tế hiện nay, biến đổi khí hậu là thách thức toàn cầu và Việt Nam cũng cam kết giảm phát thải ròng bằng không vào năm 2050. Việc ưu đãi thuế cho các dự án bảo vệ môi trường (xử lý chất thải, nước thải) và năng lượng sạch giúp giảm ô nhiễm, cải thiện

** Email: Phuongnhungpt@gmail.com*

Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

chất lượng không khí, đất, nước và giảm lượng khí thải carbon. Việc phát triển năng lượng tái tạo giúp đa dạng hóa nguồn cung, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống như than đá, dầu mỏ. Điều này không chỉ giúp Việt Nam đảm bảo an ninh năng lượng mà còn giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nhiên liệu trên thế giới.

(iii) Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp (điểm i, k, l, m): Đây là các ngành kinh tế nền tảng, có vai trò quan trọng trong an ninh lương thực và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp thường gắn liền với vùng nông thôn. Ưu đãi thuế giúp giảm chi phí sản xuất, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo và phát triển kinh tế vùng miền. Đồng thời, khi gánh nặng thuế được giảm bớt nhờ ưu đãi thuế TNDN, doanh nghiệp có thể tái đầu tư vào công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

(iv) Lĩnh vực xã hội hóa và dịch vụ (điểm r, s, t, u, p, q). Các hoạt động như giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, đầu tư nhà ở xã hội, xuất bản, báo chí và một số tổ chức tín dụng với mục tiêu hoạt động “lợi nhuận không phải là mục tiêu hàng đầu” như quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô... đều nằm trong danh sách đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN. Đây không phải là sự ưu tiên về kinh tế mà là một công cụ chính sách của Nhà nước. Áp dụng ưu đãi thuế TNDN giúp khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa xã hội, từ đó vừa giải quyết các vấn đề xã hội, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế một cách bền vững và cân bằng hơn.

(iv) Các dự án đầu tư quy mô lớn (điểm g, h): Theo đó, các dự án có vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng và đáp ứng yêu cầu công nghệ sẽ được hưởng ưu đãi. Thực tiễn cho thấy, các dự án đầu tư quy mô lớn thường là của các tập đoàn đa quốc gia; họ luôn tìm kiếm những quốc gia có chính sách thuế hấp dẫn để tối ưu hóa lợi nhuận. Việc ưu đãi thuế TNDN sẽ giúp Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn so với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, các dự án này thường đi kèm với công nghệ hiện đại, tiên tiến. Khi đầu tư vào Việt Nam, họ sẽ mang theo quy trình sản xuất, công nghệ quản lý và bí quyết công nghệ, tạo cơ hội cho doanh nghiệp trong nước học

hỏi và tiếp cận công nghệ mới. Do vậy, chính sách ưu đãi thuế TNDN cho các dự án đầu tư quy mô lớn là một chính sách rõ ràng, thể hiện sự chủ động của Nhà nước trong việc định hướng phát triển kinh tế, thu hút các nguồn lực chất lượng cao, từ đó tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Nhóm 2: Ưu đãi theo địa bàn

Nếu như tại Luật Thuế TNDN năm 2008, các quy định về ưu đãi thuế theo địa bàn chỉ tập trung vào các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các khu kinh tế, khu công nghệ cao thì Luật Thuế TNDN năm 2025 đã bổ sung thêm “khu công nghệ số tập trung” vào danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Đây là nơi diễn ra các hoạt động nghiên cứu, phát triển, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Khu công nghệ số tập trung giúp hình thành một hệ sinh thái mạnh, nơi các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và các cơ sở đào tạo có thể hợp tác, trao đổi kiến thức và phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới. Việc Luật Thuế TNDN năm 2025 bổ sung địa bàn mới này là cần thiết trong bối cảnh Nhà nước Việt Nam đang thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Luật cũng quy định ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp hoạt động tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao... (khoản 3). Điều này nhằm thu hút đầu tư, phát triển kinh tế vùng miền, đặc biệt là các khu vực còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

Như vậy, quy định về đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN của Luật Thuế TNDN năm 2025 cho thấy, DNNVV không phải là một đối tượng được ưu đãi thuế trực tiếp. Hay nói cách khác, Luật không quy định cụ thể về việc ưu đãi thuế riêng cho DNNVV, nhưng DNNVV có thể được hưởng/áp dụng ưu đãi thuế TNDN nếu đáp ứng các tiêu chí về ngành nghề hoặc địa bàn như đã phân tích ở trên. Có thể nói, Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025 về nguyên tắc và đối tượng áp dụng ưu đãi thuế đã có nhiều điểm tiến bộ nhưng một số quy định còn mang tính định tính, chưa rõ ràng, phụ thuộc nhiều vào văn bản hướng dẫn và thiếu sự linh hoạt. Điều này có thể gây khó khăn trong việc áp dụng, tạo ra rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp và thiếu tính minh bạch, nhất quán của hệ thống pháp luật. Ví dụ:

(i) Quy định tại điểm c2 khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025: “Sản phẩm công

ngành hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành dệt - may, da - giấy, điện tử - tin học (bao gồm cả thiết kế, sản xuất bán dẫn), sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà trong nước chưa sản xuất được hoặc đã sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương (nếu có) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương". Quy định này thể hiện sự ưu tiên của Nhà nước đối với việc phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn và ngành công nghiệp hỗ trợ bằng những cách thức khác nhau; hoặc cho phép ưu tiên nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà trong nước chưa sản xuất được, các doanh nghiệp trong những ngành này sẽ có nguồn cung ổn định, giá thành hợp lý, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh; hoặc đặt ra điều kiện về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với những sản phẩm được sản xuất trong nước được hưởng ưu đãi thuế, từ đó tạo áp lực để các doanh nghiệp nội địa phải đầu tư, nâng cấp công nghệ để bắt kịp tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, việc xác định các sản phẩm "trong nước chưa sản xuất được" hay các sản phẩm "đã sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương" có thể gặp khó khăn trong thực tiễn do khó xác định (dựa vào đâu để kết luận là sản phẩm đó trong nước chưa sản xuất được?, theo bộ tiêu chuẩn nào?, thế nào là tương đương?) và có thể dẫn đến sự chủ quan trong đánh giá của cơ quan quản lý, từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

(ii) Quy định tại điểm g2 khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025: "Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ". Quy định này là nhằm đảm bảo các công nghệ được sử dụng phải đạt một mức độ nhất định về chất lượng, hiệu quả, an toàn và phù hợp với chiến lược phát triển chung của đất nước. Việc giao quyền cho Bộ Khoa học và Công nghệ giúp các yêu cầu về công nghệ có thể được cập nhật, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Tuy nhiên, nếu Bộ Khoa học và Công nghệ không ban hành các tiêu chí rõ ràng, minh bạch thì có thể dẫn đến việc áp dụng thiếu nhất quán, gây khó khăn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Hoặc nếu các yêu cầu quá phức tạp, quy trình thẩm định phê duyệt rườm rà thì có thể trở thành rào cản, làm chậm quá trình đầu tư và đổi mới công nghệ. Do vậy, hiệu quả của quy định này phụ thuộc hoàn toàn vào năng

lực, tầm nhìn và sự cập nhật thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.2. Các hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hình thức ưu đãi thuế TNDN là các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích đặc biệt mà Nhà nước dành cho doanh nghiệp nhằm giảm bớt gánh nặng thuế cho doanh nghiệp, từ đó tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn có tính đặc thù¹. Luật Thuế TNDN năm 2025 cũng như Luật Thuế TNDN năm 2008 không có quy định về hình thức ưu đãi thuế TNDN riêng biệt chỉ dành riêng cho các DN NVV như một đối tượng độc lập. Do vậy, các DN NVV có thể được áp dụng các hình thức ưu đãi thuế TNDN thông qua các chính sách chung được áp dụng cho nhiều đối tượng doanh nghiệp khác nhau. Các hình thức ưu đãi thuế TNDN được quy định trong pháp luật thuế bao gồm:

Một là, ưu đãi về thuế suất có xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn

Đây là hình thức ưu đãi mà doanh nghiệp được áp dụng mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất phổ thông (20%). Luật Thuế TNDN năm 2025 quy định một số mức thuế suất ưu đãi như:

(i) Thuế suất 10%²: Áp dụng cho các dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao hoặc các lĩnh vực công nghệ cao. Thời gian áp dụng là trong 15 năm.

Cũng cần lưu ý rằng, mức thuế suất ưu đãi 10% được áp dụng mà không giới hạn thời gian cụ thể được Nhà nước dành cho thu nhập của doanh nghiệp phát sinh từ hoạt động thuộc các ngành, nghề mang tính xã hội hoặc đặc thù, hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hoạt động của nhà xuất bản, cơ quan báo chí; hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trồng rừng, chăn nuôi, trồng trọt. Đây là các hoạt động sản xuất, kinh doanh mang tính chất xã hội, có ý nghĩa lâu dài và ổn định, không phụ thuộc vào việc có phải là dự án đầu tư mới hay không và cũng không nhằm mục đích khuyến khích đầu tư mới mà là duy trì và phát triển ổn định.

¹ Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là gì? Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như thế nào?, <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/uu-dai-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-la-gi-thu-tuc-thuc-hien-uu-dai-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-nhu-the-353070-177776.html#>, truy cập ngày 01/9/2025.

² Khoản 1, 2 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025.

(ii) Thuế suất 15%³: Áp dụng đối với doanh nghiệp có thu nhập từ hoạt động thuộc ngành nghề là: Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung... Có thể nói, đây là hình thức ưu đãi về thuế suất dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành, nghề nhất định nhưng không thuộc các địa bàn được ưu đãi đặc biệt. Quy định trên thể hiện Nhà nước vẫn khuyến khích các hoạt động/ngành nghề này nhưng không ở mức độ ưu tiên cao nhất như các ngành được hưởng thuế suất 10%. Hay nói cách khác, nếu doanh nghiệp thực hiện các hoạt động này tại địa bàn đặc biệt khó khăn, khu kinh tế... thì sẽ được hưởng mức ưu đãi cao hơn (thường là 10%).

(iii) Thuế suất 17% trong thời gian 10 năm. Mức thuế suất ưu đãi này được áp dụng cho 03 nhóm đối tượng gồm:

Nhóm 1: Các dự án đầu tư mới thuộc các ngành, nghề quy định tại điểm m, n, o khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025: “m) Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; n) Sản xuất, lắp ráp ô tô; sản xuất sản phẩm công nghệ số khác; o) Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV, cơ sởươm tạo DNNVV; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV”. Đây là những ngành, nghề được Nhà nước khuyến khích nhưng không thuộc nhóm ưu tiên đặc biệt như công nghệ cao, giáo dục, y tế. Tuy nhiên, mức ưu đãi này phần nào tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào những ngành sản xuất, kinh doanh có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, góp phần tăng trưởng công nghiệp và tạo việc làm.

Nhóm 2: Các dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn được xác định là có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Chính sách này nhằm thu hút vốn đầu tư vào các khu vực kém phát triển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và cải thiện đời sống người dân tại những vùng này.

Nhóm 3: Dự án đầu tư mới tại khu kinh tế không nằm trên địa bàn đặc biệt ưu đãi về thuế

gồm địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Quy định này được đưa ra nhằm duy trì sức hấp dẫn của các khu kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế vùng.

Cũng lưu ý thêm rằng, thuế suất 17% được áp dụng không xác định thời hạn đối với thu nhập của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, ngân hàng hợp tác xã⁴. Ngoài ra, một số dự án đầu tư công nghệ cao, cơ sở hạ tầng, khu kinh tế, khu công nghệ cao... là các dự án quy mô lớn, tác động mạnh mẽ (như các dự án đầu tư mới có vốn tối thiểu 6.000 tỷ đồng và có ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội) hay các dự án chiến lược, có tiềm năng cạnh tranh toàn cầu đáp ứng các tiêu chí luật định⁵ có thể được Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tối đa không quá 15 năm. Đây là một ưu đãi đặc biệt dành cho các dự án có tầm quan trọng chiến lược, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư lớn.

Đối với các dự án đầu tư mới nhưng là dự án đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư⁶ thì Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng thuế suất giảm không quá 50% mức thuế suất quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025 là 10%. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN - 15 năm (tức là có thể lên tới 22,5 năm) và được kéo dài thêm không quá 15 năm nhưng không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư⁷.

Như vậy, thay vì ưu đãi dàn trải, Luật Thuế TNDN năm 2025 tập trung vào các dự

⁴ Khoản 5 Điều 13 và điểm p khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025.

⁵ Điểm a2 khoản 6 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025.

⁶ “2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư”.

⁷ Điểm b khoản 6 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025.

³ Khoản 3 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025.

án có quy mô lớn, dự án công nghệ cao, dự án hạ tầng. Điều này thể hiện chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc và trọng điểm của Việt Nam, tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn và có tính cạnh tranh cao, góp phần tạo ra đột phá kinh tế và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao, thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp mũi nhọn, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững, tạo nền tảng cho nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, đứng từ góc nhìn về chính sách dành cho các DNNVV, quy định trên có thể tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các dự án có cùng ngành nghề nhưng quy mô khác nhau, đặc biệt là các DNNVV vốn chiếm đa số trong nền kinh tế Việt Nam.

Về thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, nhằm thúc đẩy các lĩnh vực mũi nhọn của nền kinh tế, Luật Thuế TNDN năm 2025 đã quy định theo hướng linh hoạt hơn thông qua việc xác định rõ hai trường hợp khác nhau. Theo đó:

(i) Đối với trường hợp thông thường, thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu. Điều này có nghĩa là ngay khi dự án bắt đầu hoạt động và tạo ra doanh thu, doanh nghiệp sẽ bắt đầu hưởng các ưu đãi về thuế suất. Quy định này đảm bảo tính công bằng và khuyến khích doanh nghiệp nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động hiệu quả.

(ii) Đối với trường hợp đặc biệt - trường hợp các doanh nghiệp được cấp các loại giấy chứng nhận đặc thù như: Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao; Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao; Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thời điểm được cấp các giấy chứng nhận/giấy xác nhận này lại sau thời điểm phát sinh doanh thu thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi sẽ được tính kể từ năm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi. Có thể thấy rằng quy định này tạo điều kiện thuận lợi hơn, đảm bảo tính công bằng cho các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù này. Thay vì mất ưu đãi cho khoảng thời gian từ khi có doanh thu đến khi được cấp giấy chứng nhận, doanh nghiệp vẫn được hưởng trọn vẹn thời gian ưu đãi tính từ thời điểm giấy chứng nhận có hiệu lực.

Mặc dù có nhiều điểm thay đổi tích cực so với Luật Thuế TNDN năm 2008 nhưng quy định của Luật Thuế TNDN năm 2025 đối với

hình thức ưu đãi về thuế suất có xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn vẫn còn có điểm có thể sẽ gây ra những khó khăn và hạn chế nhất định trong quá trình thực thi. Cụ thể là còn thiếu tiêu chí cụ thể để xác định ưu đãi: Điểm a khoản 6 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025 quy định: “Dự án đầu tư mới quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều 12 Luật này, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, có ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội cần đặc biệt khuyến khích” là một trong các trường hợp được Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tối đa không quá 15 năm. Tuy nhiên, khái niệm “ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội” là một tiêu chí định tính nên thực tiễn thực thi để đánh giá thế nào là dự án có “ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội” sẽ gặp khó khăn nếu không có các chỉ số đo lường rõ ràng trong văn bản luật và văn bản dưới luật (hiện tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNDN năm 2025 cũng không có hướng dẫn về nội dung này). Điều này có thể dẫn đến sự thiếu minh bạch và không công bằng trong việc xét duyệt. Việc quyết định ưu đãi phụ thuộc nhiều vào ý chí chủ quan, tiềm ẩn nguy cơ “xin - cho” và rủi ro pháp lý cho nhà đầu tư. Trong khi đó, tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020 đề cập đến “một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội” thông qua các tiêu chí là tổng vốn đầu tư/quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân.

Nhìn chung, hình thức ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025 mang lại một số cơ hội cho DNNVV thông qua việc mở rộng các ngành nghề và địa bàn được ưu đãi và như vậy, nếu một DNNVV hoạt động trong các lĩnh vực như công nghệ số tập trung, nông nghiệp công nghệ cao, hoặc tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, họ có thể được hưởng thuế suất ưu đãi 10%, 15% hoặc 17%. Tuy nhiên, Luật Thuế TNDN năm 2025 vẫn thể hiện rằng các ưu đãi đặc biệt nhất, kéo dài nhất lại chỉ dành cho các doanh nghiệp lớn với những dự án có quy mô rất lớn (quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng/doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm hoặc số lượng lao động trên 6.000 lao động)⁸. Đây là những ngưỡng mà DNNVV rất khó đạt được nên các DNNVV chỉ có thể hưởng các ưu đãi cơ bản hơn. Điều này đặt ra thách thức cho DNNVV trong việc tiếp cận các ưu đãi cao nhất và cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn

⁸ Khoản 6 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025.

khi không thể giảm chi phí thuế hiệu quả như các doanh nghiệp lớn.

Hai là, ưu đãi thông qua hình thức miễn thuế, giảm thuế có thời hạn khác nhau đối với từng dự án

Miễn thuế và giảm thuế TNDN là hai trong số các hình thức ưu đãi thuế phổ biến và quan trọng nhất, là những công cụ chính sách mà Nhà nước sử dụng để khuyến khích đầu tư, thúc đẩy các ngành nghề và địa bàn cụ thể phát triển. Miễn thuế là hình thức ưu đãi cao nhất, theo đó, doanh nghiệp không phải nộp một khoản thuế nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể. Miễn thuế thường áp dụng cho các dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn đặc biệt được khuyến khích đầu tư. Giảm thuế là hình thức ưu đãi mà doanh nghiệp chỉ phải nộp một phần số thuế phải nộp. Mức giảm thường là một tỷ lệ phần trăm cụ thể.

(i) Về thời gian miễn, giảm thuế và mức giảm thuế

Luật Thuế TNDN năm 2025 trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 14 Luật Thuế TNDN năm 2008 đã quy định rõ ràng thời gian và mức độ miễn, giảm thuế. Theo đó:

Nhóm 1. Miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với: a) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025; b) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm r khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025 thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Trường hợp không thuộc địa bàn khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì được miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 05 năm tiếp theo.

Nhóm 2. Miễn thuế tối đa 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2025.

Nhóm 3. Đối với các dự án đầu tư mới quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025, Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian miễn thuế, giảm thuế tối đa không quá 1,5 lần thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản 1 Điều này.

Như vậy, mức độ ưu đãi được phân loại rõ ràng theo ngành, nghề và địa bàn đầu tư, cho thấy sự nhất quán với chính sách khuyến khích đầu tư của Nhà nước đã được xác định, đặc biệt là các dự án công nghệ cao và dự

án tại địa bàn khó khăn, tạo ra sự minh bạch, giúp doanh nghiệp dễ dàng lập kế hoạch tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư.

(ii) Về thời điểm tính ưu đãi miễn thuế, giảm thuế

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sau thời điểm phát sinh thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi. Trường hợp tại năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà chưa có thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm đầu tiên có thu nhập, nếu trong 03 năm đầu kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế thì thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ năm thứ 04 kể từ năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

Có thể thấy, quy định về việc tính thời gian ưu đãi từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là hợp lý vì đảm bảo doanh nghiệp chỉ được hưởng lợi ích khi thực sự hoạt động có lãi. Đồng thời, việc tính từ năm thứ 4 cho các dự án chưa có thu nhập trong 03 năm đầu giúp tạo điều kiện cho các dự án dài hơi, có thời gian đầu tư và phát triển ban đầu lớn.

(iii) Về chính sách ưu đãi miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mở rộng

So với Luật Thuế TNDN năm 2008 thì quy định về vấn đề này đã có những thay đổi đáng kể, có tác động tích cực đối với các DNNVV. Theo đó, Luật Thuế TNDN năm 2025 đã phân loại thành 02 trường hợp rõ ràng:

Trường hợp 1: Doanh nghiệp có dự án đầu tư đang hoạt động (chưa hết thời gian ưu đãi) mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế TNDN quy định tại Điều 12 Luật Thuế TNDN (sau đây gọi là đầu tư mở rộng) thì phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động

cho thời gian còn lại và không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng với thu nhập từ dự án đang hoạt động. Hay nói cách khác, đối với dự án chưa hết thời gian ưu đãi thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi như dự án ban đầu.

Trường hợp 2: Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều 14 Luật Thuế TNDN năm 2025 sẽ được miễn thuế, giảm thuế và không được hưởng ưu đãi về thuế suất. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế TNDN và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng để áp dụng ưu đãi. Trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp⁹.

Như vậy, đối với dự án đã hết thời gian ưu đãi thì thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng sẽ được miễn, giảm thuế theo thời gian áp dụng đối với dự án mới cùng ngành, nghề, địa bàn. Doanh nghiệp cần hạch toán riêng khoản thu nhập này để áp dụng ưu đãi. Tuy nhiên, việc hạch toán riêng thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng có thể phức tạp. Mặc dù quy định này có đưa ra phương pháp phân bổ tỷ lệ (dựa trên nguyên giá tài sản cố định) nhưng việc xác định chính xác thu nhập tăng thêm trong thực tế vẫn là một thách thức lớn đối với cả doanh nghiệp và cơ quan thuế. Cũng cần lưu ý, ưu đãi miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mở rộng nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động.

Nhìn chung, quy định về ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng là một chính sách rất tiến bộ, trực tiếp khuyến khích doanh nghiệp, trong đó có DNNVV mạnh dạn tái đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà không cần thành lập dự án mới hoàn toàn, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh. Điều này giúp doanh nghiệp tận dụng được cơ sở vật chất hiện có và giảm

chi phí đầu tư ban đầu. Không chỉ vậy, việc ưu đãi cho các dự án mở rộng nhằm “giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường” thể hiện sự quan tâm của chính sách thuế đến mục tiêu phát triển bền vững.

Ưu đãi miễn thuế, giảm thuế dựa trên ngành nghề và địa bàn, không phân biệt quy mô doanh nghiệp đã tạo cơ hội bình đẳng cho các DNNVV để cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như công nghệ số hoặc công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên, mặc dù Luật Thuế TNDN năm 2025 không phân biệt về quy mô lớn nhỏ hay vừa, nhưng thực tế, các ưu đãi đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 14 (do Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian miễn, giảm thuế) thường chỉ dành cho các dự án lớn, có vốn đầu tư khổng lồ (như dự án đầu tư thành lập mới có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên¹⁰) mà các DNNVV khó có thể đáp ứng. Điều này tạo ra một sự bất bình đẳng tiềm ẩn giữa các doanh nghiệp.

Ngoài các trường hợp miễn thuế, giảm thuế nêu trên, Luật Thuế TNDN năm 2025 cũng đã kế thừa (03) và có bổ sung thêm (02) các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác. Cụ thể bao gồm: Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được giảm thuế TNDN bằng số chi thêm cho lao động nữ; doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số được giảm thuế TNDN bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số; doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế TNDN tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ, thu nhập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; doanh nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật Thuế TNDN năm 2025 thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế; tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ¹¹.

¹⁰ Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020.

¹¹ Điều 15 Luật Thuế TNDN năm 2025.

Quy định trên có tác động rất tích cực và thiết thực đối với DNNVV, khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động có lợi cho xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Mặc dù các ưu đãi này không dành cho mọi DNNVV nhưng lại tập trung vào các hoạt động (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải mà không áp dụng đối với DNNVV hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ, thương mại hoặc các ngành nghề khác) và nhóm lao động (lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số) mà DNNVV thường có lợi thế hoặc có thể dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, để tối ưu hóa hiệu quả, với đặc thù của DNNVV là đội ngũ kế toán, pháp lý mỏng thì cần có hướng dẫn chi tiết và đơn giản về mặt thủ tục để DNNVV có thể dễ dàng tiếp cận các ưu đãi này.

2. Một số giải pháp nhằm góp phần triển khai thực thi có hiệu quả pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Nhằm góp phần tháo gỡ những điểm gây khó khăn cho doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý trong quá trình thực thi đã được phân tích tại mục 1, tác giả đưa ra một số đề xuất:

Thứ nhất, đối với quy định về đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN

- Đối với quy định tại điểm c2 khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025: (i) Dự thảo Nghị định cần quy định cụ thể các tiêu chí định lượng để xác định một sản phẩm có “sản xuất được” hay không. Có thể cân nhắc các tiêu chí về: Năng lực sản xuất, khả năng cung ứng và giá thành cạnh tranh. (ii) Cần cụ thể hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng Dự thảo Nghị định sẽ chỉ định rõ các bộ tiêu chuẩn quốc tế được công nhận theo từng ngành dệt - may, da - giày, điện tử - tin học, sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo.

- Đối với quy định tại điểm g2 khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN năm 2025, để giúp doanh nghiệp và cơ quan quản lý trả lời được câu hỏi “công nghệ đã/đang sử dụng có đáp ứng yêu cầu để thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN hay không?” thì Bộ Khoa học và Công nghệ nên xây dựng một danh mục chi tiết, phân loại công nghệ theo từng ngành, lĩnh vực như: Công nghệ sản xuất bán dẫn, công nghệ năng lượng tái tạo, công nghệ vật liệu mới... Đồng thời, cũng cần đưa ra các tiêu chí cụ thể để xác định và đo lường như hiệu suất năng lượng tối thiểu, mức độ tự động hóa, tiêu chuẩn khí thải, hoặc các chứng nhận quốc tế...

Thứ hai, đối với quy định về ưu đãi về thuế suất có xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn - một trong những hình thức ưu đãi thuế TNDN đối với DNNVV

Để nâng cao tính hiệu quả và minh bạch của quy định cũng như tạo sự thống nhất trong quá trình thực thi pháp luật, điểm a khoản 6 Điều 13 Luật Thuế TNDN cần phải cụ thể hóa tiêu chí “ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội”. Theo đó, cần nhắc đưa vào Dự thảo Nghị định các tiêu chí định lượng rõ ràng để đánh giá “ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội”. Các tiêu chí này có thể bao gồm: (i) Số lượng việc làm mới được tạo ra, ví dụ sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động; (ii) Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm, ví dụ trên 40% giá trị sản phẩm; (iii) Số lượng và giá trị xuất khẩu hàng năm, ví dụ trên 200 triệu USD/năm; (iv) Giá trị gia tăng đóng góp vào GDP của Ngành.

Tóm lại, Luật Thuế TNDN năm 2025 đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt hơn của Nhà nước trong việc hỗ trợ các DNNVV thông qua các chính sách ưu đãi thuế có trọng tâm và hiệu quả. Bằng việc xác định rõ đối tượng được hưởng ưu đãi và đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ như giảm thuế suất, miễn thuế, giảm thuế, khuôn khổ pháp lý mới này không chỉ làm giảm gánh nặng tài chính mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của khu vực kinh tế then chốt này.

Sự thành công của các chính sách này sẽ phụ thuộc vào việc triển khai đồng bộ và minh bạch từ các cơ quan quản lý. Về lâu dài, các ưu đãi thuế TNDN cho DNNVV theo luật mới kỳ vọng sẽ không chỉ thúc đẩy sự tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và tạo việc làm, mà còn đóng góp đáng kể vào việc xây dựng một nền kinh tế Việt Nam vững mạnh. Việc theo dõi và đánh giá định kỳ là cần thiết để đảm bảo rằng các chính sách này tiếp tục phù hợp với bối cảnh kinh tế và đạt được mục tiêu ban đầu của chúng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017;
2. Luật Thuế TNDN năm 2008;
3. Luật Thuế TNDN năm 2025;
4. Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2024;
5. Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;
6. Luật Đầu tư năm 2020;
7. Chính phủ (2025), *Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNDN*;
8. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là gì? Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như thế nào?, <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/uu-dai-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-la-gi-thu-tuc-thuc-hien-uu-dai-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-nhu-the-353070-177776.html#>.